

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HS-ST;

Ngày: 07-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đào**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Nhung**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Minh Cường** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:
Bà **Triệu Thị Ngân Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2022/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/HSST-QĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn T (tên gọi khác B) sinh năm 1992, tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú và chỗ ở: ấp T, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: nam; con ông Lê Văn V sinh năm 1965 và mẹ bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ chưa có con; tiền sự: Không có; tiền án: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/11/2021, tạm giam từ ngày 22/11/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Mỹ Tho có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Lê Thị N**, sinh năm 2000 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp L, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Thị Diễm T1**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng: **Lê Tôn Hoài N1**, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Nơi cư trú: số 51/1 ấp L, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, bị cáo Lê Văn T và Lê Thị N phát sinh tình cảm với nhau, sau đó có quan hệ tình dục. Khoảng tháng 3 năm 2021, bị cáo T và N hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ N, địa chỉ số 144A đường N, khu phố 8, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Theo bị cáo T khai, do muốn ghi lại hình ảnh trong lúc quan hệ tình dục giữa bị cáo T với N để làm kỷ niệm nên bị cáo T đến nhà nghỉ trước, thuê phòng số 5, để điện thoại vào vách tường dùng giấy tập học sinh dán chỉ chừa camera, lấy ghế bằng kim loại che lại. Sau đó N đến nhà nghỉ và có quan hệ tình dục với bị cáo T nên bị camera ghi lại hình ảnh. Sau khi quay được đoạn video trên, do muốn có tiêu xài cá nhân nên bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của N. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2021, bị cáo T đã chiếm đoạt tiền của N 03 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Trong tháng 3 năm 2021, bị cáo T tạo địa chỉ mới trên mạng xã hội và gửi đoạn video cùng một số hình ảnh mà bị cáo T và N đang quan hệ tình dục cho N đồng thời yêu cầu N đưa 5.000.000 đồng nếu không sẽ đăng lên mạng xã hội. Do sợ bị đăng lên mạng xã hội nên N có nói cho bị cáo T biết để Tiểu liên lạc với người đòi tiền để giao tiền thay cho N. Do tin tưởng nên N đưa điện thoại di động Iphone 7 nhờ bị cáo T bán và đưa tiền cho người đã uy hiếp mình, bị cáo T bán điện thoại trên qua mạng được 4.000.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 4 năm 2021, bị cáo T tiếp tục gửi đoạn video cùng một số hình ảnh trên cho N và yêu cầu chuyển số tiền 3.000.000 đồng, do không có tiền nên N hỏi mượn chị Nguyễn Thị Diễm T2 số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, N điện thoại cho chị T2 đưa tiền bị cáo T để đi giao tiền dùm cho người đã uy hiếp N. Nhận được tiền, bị cáo T tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 13 tháng 11 năm 2021, N tiếp tục nhận tin nhắn từ tài khoản Zalo có tên “Fe” yêu cầu chuyển số tiền 2.000.000 đồng kèm theo hình ảnh và đoạn video N quan hệ tình dục với bị cáo T như hai lần trước, đồng thời yêu cầu đưa tiền cho bị cáo T vì T biết thông tin cá nhân để chuyển khoản. Do nghi ngờ bị cáo T là người thực hiện hành vi tống tiền mình nên N nhờ anh Lê Tôn Hoài N nhắn tin với tài khoản “Fe”. Khi bị cáo T đến gặp N để nhận 2.000.000 đồng, N đã báo vụ việc nêu trên đến Công an xã Đ. Sau đó bị cáo Lê Văn T bị bắt giữ để điều tra.

Tang vật thu giữ gồm: 01 đĩa DVD ghi lại đoạn video Lê Văn T và Lê Thị N quan hệ tình dục (do Lê Thị N giao nộp); 01 điện thoại di động Iphone XS Max Go, số IMEI1 357266098076421; IMEI2 357266098028729 (điện thoại

của bị cáo T); 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, số IMEI 35829097255398 (điện thoại của N).

Đối với điện thoại di động Iphone 7 Plus, 32 GB màu trắng mà N đưa, sau đó bị cáo Tiểu bán qua mạng nên không thu hồi được. Riêng điện thoại di động Iphone 4 mà T sử dụng để quay video, sau đó gửi hình ảnh và đoạn clip để đe dọa N buộc phải đưa tiền. Bị cáo T khai điện thoại đã bị hư và đập bỏ nên không thu hồi được.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 762/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2021 của Hội đồng định giá thành phố Mỹ Tho kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, 32 GB màu trắng trị giá 4.410.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 303/KL-KTHS ngày 07/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận đối với một đoạn video cảnh Lê Văn T và Lê Thị N quan hệ tình dục: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép nội dung trong tập tin video mẫu cần giám định.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone XS Max Gold, số IMEI1 357266098076421; IMEI2 357266098028729; Trả lại cho bị hại Lê Thị N 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, số IMEI 35829097235398.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị N yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường giá trị điện thoại di động Iphone 7 Plus, 32 GB màu trắng với số tiền 6.300.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng. Tổng cộng 9.300.000 đồng. Bị cáo T đồng ý nhưng chưa bồi thường. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho bị hại số tiền 9.300.000 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị Diễm T2 là người cho N mượn số tiền 3.000.000 đồng, không biết việc N bị T đe dọa để chiếm đoạt số tiền trên. Đồng thời, chị T2 không yêu cầu đối với số tiền đã cho N mượn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Phát biểu tự bào chữa của bị cáo Lê Văn T: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Mỹ Tho, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều không có khiếu nại hay có ý kiến gì về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và trong quá trình điều tra, người tham gia tố tụng nêu trên đã có lời khai cụ thể, đầy đủ, rõ ràng. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây khó khăn cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2021, trên địa bàn thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Bị cáo Lê Văn T có hành vi sử dụng mạng xã hội, ba lần gửi đoạn video và hình ảnh quan giữa bị cáo T và Lê Thị N để nhằm đe dọa, uy hiếp tinh thần buộc N đưa 01 thoại di động Iphone 7 Plus, 32 GB màu trắng trị giá 4.410.000 đồng và tiền Việt Nam 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.410.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi trên của bị cáo Lê Văn T đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho đã đưa ra chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo T về tội phạm nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước ta bảo vệ, hành vi đó không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của người khác, mà còn gây hoang mang, gây mất trật tự xã hội. Do vậy, cần phải có một hình phạt nghiêm khắc là cách ly các bị cáo T ra khỏi xã một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục cho các bị cáo biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

[4] Đối với chị Nguyễn Thị Diễm T2 là người cho N mượn số tiền 3.000.000 đồng, không biết việc N bị T đe dọa để chiếm đoạt số tiền trên. Đồng thời, chị T2 không yêu cầu đòi với số tiền đã cho N mượn.

[5] Về nhân thân của bị cáo Lê Văn T: Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đều đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ

cho bị cáo theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T đã thực hiện hành vi uy hiếp tinh thần và buộc bị hại đưa tiền 03 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị N yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường giá trị điện thoại di động Iphone 7 Plus, 32 GB màu trắng với số tiền 6.300.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng. Tổng cộng 9.300.000 đồng. Bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Lê Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Thị N số tiền 9.300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Diễm T2 có cho Lê Thị N mượn số tiền 3.000.000 đồng để đưa cáo T. Chị T2 không yêu cầu đòi với số tiền đã cho N mượn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với điện thoại di động Iphone XS Max Gold, số IMEI1 357266098076421; IMEI2 357266098028729 là điện thoại của bị cáo T dùng để nhắn tin đe dọa và yêu cầu bị hại chuyển tiền nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với điện thoại di động Iphone 8 Plus, số IMEI 354829097235398 là điện thoại của bị hại Lê Thị N nên cần phải trả lại cho bị hại.

[9] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 13 tháng 11 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho bị hại Lê Thị N số tiền 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan thi hành án dân sự có quyết định chủ động thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, nếu bị cáo Lê Văn T chưa thi hành số tiền phải thi hành án,

thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone XS Max Gold, số IMEI1 357266098076421; IMEI2 357266098028729.

Trả lại cho bị hại Lê Thị N 01 (một) điện thoại di động Iphone 8 Plus, số IMEI 354829097235398.

Hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đang giữ toàn bộ các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2022.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 465.000 đồng (bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Công an Tp Mỹ Tho;
- C.c THADS Tp Mỹ Tho;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Trang